

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐỨC CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 622 - 070 - 072

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Triều, ngày 10 tháng 4 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng NSNN)

(Kèm theo Quyết định số 109/QĐ-THĐC ngày 10/4/2023 của trường Tiểu học Đức Chính)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ tài Chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 878/QĐ - PGD&ĐT ngày 28/12/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đồng Triều "Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024";

Trường Tiểu học Đức Chính công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2024 như sau:

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý I năm 2024	Thực hiện Quý I/dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5 = 4/3*100	6 = Q1/2024/Q1//2023
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0	0	
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Học phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	0	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.939.972.000	934.299.734	24	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.850.116.000	909.339.734	24	
1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>3.164.836.000</u>	<u>745.745.618</u>	24	1
	Mục 6000: Tiền lương	1.736.268.000	408.996.000	24	1
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	-		0	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	932.768.000	220.106.832	24	1
	Mục 6200: Tiền thưởng	15.800.000		0	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	20.000.000		0	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	460.000.000	114.770.786	25	1

	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		1.872.000	#DIV/0!	114
2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	615.280.000	135.471.116	22	366
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	60.000.000	4.633.116	8	90
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	97.900.000	10.650.000	11	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	48.800.000	3.080.000	6	24
	Mục 6650: Hội nghị	30.000.000		0	0
	Mục 6700: Công tác phí	18.000.000	2.700.000	15	300
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	59.904.000	28.680.000	48	82
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	75.176.000	34.323.000	46	172
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	30.000.000		0	
	Mục 7000: Chí phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	175.500.000	51.405.000	29	65
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	20.000.000		0	0
3	<u>Các khoản chi khác</u>	70.000.000	28.123.000	40	99
	Mục 7750: Chi khác	70.000.000	28.123.000	40	99
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	89.856.000	24.960.000		7
1	Chi thanh toán cho cá nhân				
	Mục 6100: Phụ cấp lương				
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, SV, CB đi học				
2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	89.856.000	24.960.000		
	Mục 6550: Vật tư văn phòng				
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc				
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	89.856.000	24.960.000	28	
	Mục 7000: Chí phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành				
3	<u>Các khoản chi khác</u>				
	Mục 7750: Chi khác				

Đông Triều, ngày 10 tháng 04 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Xâm